

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 15 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Khanh;
- Bà Hoàng Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị D, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà I thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị Như M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà I, thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Bà Nguyễn Thị D (nguyên đơn) và bà Trần Thị Như M (bị đơn) có quan hệ là hàng xóm láng giềng với nhau. Vào ngày 14/3/2013 bà D cho bà M vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận bằng lời nói với nhau (nhưng không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất bao nhiêu) thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày vay và trả lãi hàng tháng, mục đích vay là để mua sắm đồ dùng gia đình. Hai bên có viết

giấy mượn tiền ngày 14/3/2013 với nhau do chính bà M là người viết. Mặc dù bà M ghi nội dung là trả lãi hàng tháng nhưng trên thực tế thì hàng tháng bà M không trả đồng tiền lãi nào cho bà D. Khi đến hạn trả nợ không thấy bà M trả theo thoả thuận nên bà D đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng bà M nhất cuối năm này qua năm khác vẫn không trả. Bà D biết là bà M cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nhưng vì số tiền ít và thấy dù sao cũng là chỗ hàng xóm với nhau nên bà D không muốn khởi kiện, cho đến khi có mâu thuẫn với nhau (do bà M tố cáo bà D làm giả chữ ký để chiếm đoạt tài sản) thì bà D mới làm đơn khởi kiện bà M ra Tòa án. Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả số tiền nợ tổng cộng là 20.342.400 đồng, trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi là 14.342.400 đồng, tuy nhiên đến ngày 01/12/2025 bà D có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Trần Thị Như M trình bày:*

Vào ngày 14/3/2013 bà M có vay của bà D số tiền 6.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói nhưng không nhớ lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu, thời hạn vay là 03 tháng, mục đích vay để trả tiền công thợ xây nhà. Bà M có viết giấy vay tiền vào trong sổ của D và bà D là người cất giữ giấy vay. Chưa đến hạn trả nợ (cách thời điểm vay khoảng 2 tháng) thì bà M đã đến nhà đòi nên bà D đã trả hết số tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi cho bà D (tiền lãi bao nhiêu thì bà M không nhớ). Do tin tưởng bà D sẽ hủy bỏ giấy vay mượn tiền nên bà M không yêu cầu bà D viết giấy nhận tiền khi trả và cũng không có ai chứng kiến. Kể từ thời điểm đó bà M không vay mượn hay nợ nần gì của bà D và hai bên gia đình vẫn bình thường với nhau. Năm 2024 giữa hai bên có tranh chấp về đất đai và bà M đã làm đơn tố cáo bà D đến Cơ quan công an và đang được giải quyết. Sau đó thì bà M nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án về việc bà D khởi kiện bà M trả số tiền nợ gốc 6.000.000 đồng và lãi suất cho bà D. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì bà D đã rút phần yêu cầu về lãi suất chỉ yêu cầu trả tiền gốc. Tuy nhiên, số nợ này bà M đã trả hết cho bà D vào năm 2013 nên bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D. Đồng thời, bà M đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D vì từ thời điểm vay đến nay là đã 12 năm nhưng nay bà D mới đi khởi kiện là đã quá 3 năm theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Buộc bà Trần Thị Như M phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Như M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 6.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại thôn D, xã E, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 để thụ lý giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn yêu cầu tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, tranh chấp giữa hai bên tuy phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 6.000.000 đồng của nguyên đơn đã giao cho bị đơn vay là để bảo vệ và đòi lại quyền sở hữu của nguyên đơn đối với số tiền gốc nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào giấy mượn tiền do nguyên đơn xuất trình làm căn cứ khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và bị đơn có căn cứ xác định ngày 14/3/2013 bà D có cho bà M vay số tiền gốc 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), lãi suất hai bên tự thỏa thuận bằng lời nói với nhau (nhưng không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất bao nhiêu) thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày vay và trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà M không trả nợ cho bà D đúng như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên. Bà M cho rằng đã trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho bà D vào năm 2013 nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh và cũng không được bà D thừa nhận. Vì vậy, có căn cứ xác định bà M còn nợ bà D số tiền vay gốc là 6.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, do bị đơn bà M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà D không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 163, 164, 166, 275 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1. Buộc bà Trần Thị Như M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 509.000 đồng (*Năm trăm lẻ chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002501 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn bà Trần Thị Như M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định